

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2018

***V/v Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình***

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim và ông Lê Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57A/2018/QĐ-ST ngày 06/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**; Sinh năm 1996; Hộ khẩu thường trú: Số 160, tổ 5, khu 3, phường CT, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh T1**; Sinh năm 1992; Quốc tịch: Việt Nam; Địa chỉ: 5 Kibamachi, Komatsu, Ishikawa, Japan.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo chị Đinh Thị T thì chị và anh Nguyễn Anh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường CT, thành phố Cẩm Phả vào ngày 12/9/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ tháng 8 năm 2016, anh Nguyễn Anh T1 sang Nhật Bản lao động với thời hạn 3 năm, từ đó anh T1 ít khi liên lạc về thăm gia đình. Mỗi khi liên lạc thì anh chị lại phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau do bất đồng về quan điểm sống. Anh T1 cũng không gửi tiền về cho chị nuôi con. Tình cảm vợ chồng dần rạn nứt, không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị T khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Anh T1.

Bị đơn anh Nguyễn Anh T1 có bản tự khai thể hiện thời gian kết hôn và chung sống giữa anh và chị T đúng như chị T đã trình bày. Tuy nhiên theo anh,

nguyên nhân chính dẫn đến việc mâu thuẫn vợ chồng là do trong thời gian anh sang Nhật Bản lao động thì nhận được tin chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Anh đã về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với chị T. Tuy nhiên được hai bên gia đình khuyên bảo, chị T nhận lỗi nên anh chấp nhận bỏ qua, quay lại Nhật làm việc. Cho đến ngày 06/10/2017 thì chị T bỏ đi để con lại cho ông bà nội nuôi nên đến thời điểm này anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Chị T và anh T1 đều trình bày: Quá trình chung sống anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 26/6/2015. Quá trình giải quyết vụ án, chị T lúc thì có yêu cầu được nuôi con chung, lúc thì đồng ý để anh T1 được nuôi con chung. Anh T1 cũng có quan điểm xin được nuôi con chung vì từ lúc cháu M sinh ra đến nay chị T không có trách nhiệm với con và cháu M hoàn toàn do ông bà nội nuôi dưỡng. Anh, chị đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T và anh T1 có quan điểm quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung. Do đó cả hai đều không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Anh T1. Về con chung: Giao con chung của chị T và anh T1 là cháu Nguyễn Ngọc Hà M cho chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Thời điểm khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn bị đơn đang lao động tại nước ngoài (Nhật Bản). Do đó căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh T1 đã nhận được thông báo thụ lý án định thời gian mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian mở phiên tòa, đã có đơn trình bày quan điểm giải quyết vụ án, nên Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không hòa giải được, đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của khoản 1 Điều 477 BLTTDS. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 06/11/2018, anh T1 vắng mặt nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định hoãn phiên tòa là đúng qui định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Trong thời gian chuẩn bị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần hai, anh T1 có đơn gửi từ Nhật Bản về có nội dung xin được vắng mặt tại phiên tòa, do đó HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T:

Về tình cảm: Chị T và anh Nguyễn Anh T1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường CT, thành phố Cẩm Phả ngày 12/9/2014, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó anh T1 sang Nhật Bản làm việc và anh chị xảy ra mâu thuẫn từ đây. Mặc dù mỗi người trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn một cách khác nhau, tuy nhiên cả hai đều thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm và mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh T1 cũng đồng ý. Như vậy, khẳng định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không thể thực hiện được. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Anh T1 là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi dưỡng thấy, hiện nay anh T1 đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, sau này anh T1 về nước có quyền thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn theo qui định pháp luật. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh, chị không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Đinh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

$V \propto c, c \propto l^{\alpha} n$;

Quyết định

Căn cứ: Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị T

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Anh T1

- Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 26/6/2015 cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Hà M đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000821 ngày 06/2/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Đinh Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Anh Nguyễn Anh T1 được quyền kháng cáo trong hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh
- Các đương sự.
- Thi hành án
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Hương Giang